TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN Đ** **TỈNH LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 62/2019/QĐST-HNGĐ	*Đ, ngày 08 tháng 10 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 63/2019/TLST–HNGĐ ngày 23 tháng 7 năm 2019, giữa:

- Nguyên đơn: Chị Mai Thị Phương T, sinh năm: 1983

Trú tại: Thôn A, xã M, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

- Bị đơn: Anh Lê Xuân D – sinh năm: 1983

Trú tại: Thôn A, xã M, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Căn cứ vào khoản 3, 4 Điều 147, Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 7 Điều 26, khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 30 tháng 9 năm 2019.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 30 tháng 9 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Mai Thị Phương T và anh Lê Xuân D.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về hôn nhân: Chị Mai Thị Phương T và anh Lê Xuân D thuận tình ly hôn.

Chị Mai Thị Phương T được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục, chăm sóc con chung là Lê V – Sinh ngày: 01/8/2011 cho đến khi con chung đến tuổi thành niên.

Anh Lê Xuân D được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục, chăm sóc con chung là Lê Phú T1 – Sinh ngày: 01/01/2009 cho đến khi con chung đến tuổi thành niên.

Chị Mai Thị Phương T và anh Lê Xuân D không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Quyền đi lại thăm nom con, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con; quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con; thay đổi mức cấp dưỡng được thực hiện theo quy định Luật hôn nhân và gia đình.

- Về án phí: Chị Mai Thị Phương T phải nộp 150.000đ *(Một trăm năm mươi ngàn đồng)* tiền án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm mà chị Mai Thị Phương T đã nộp là 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số AA/2015/0007745 ngày 23/7/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ – tỉnh Lâm Đồng. Chị Mai Thị Phương T đã nộp đủ tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Hoàn trả lại cho chị Mai Thị Phương T số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm chênh lệch là 150.000đ *(Một trăm năm mươi ngàn đồng)*.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng kết hôn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(Đã ký tên và đóng dấu)

Nguyễn Thị Hà Giang